TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 28 tháng 07 năm 2020
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN H – TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**

2. Ông **Danh On**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 07 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 06 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lương Văn H**, sinh năm 1950 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp K, xã G, huyện H, tỉnh B

Bị đơn: Ông **Huỳnh Trung L**, sinh năm 1966 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh B

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh B *(Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lương Văn H trình bày:

Vào ngày 24/8/2014 (âm lịch) ông H có cho ông Huỳnh Trung L vay số tiền gốc là 80.000.000 đồng, lãi suất vay là 2%/tháng. Khi ông H cho ông L vay số tiền trên thì ông L có viết biên nhận nợ giao cho ông H cất giữ. Trong quá trình vay tiền thì ông L có đóng lãi cho ông H từ ngày vay là 24/8/2014 (âm lịch) đến ngày 24/9/2018 (âm lịch) là: 49 tháng x (02%/tháng/80.000.000 đồng) = 49 tháng x 1.600.000 đồng/tháng = 78.400.000 đồng. Từ ngày 24/9/2018 âm lịch đến nay thì ông L không có đóng lãi cho

ông H nữa. Đối với số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng thì từ khi vay đến nay ông L không có trả cho ông H.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Trung L phải trả cho ông H tổng số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 02%/tháng tạm tính kể từ ngày 24/9/2018 âm lịch (nhằm ngày 01/11/2018 dương lịch) đến ngày 24/4/2020 âm lịch (nhằm ngày 16/05/2018 dương lịch) là 30.400.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/4/2020 âm lịch cho đến khi ông L thanh toán hết nợ cho ông H theo lãi suất thỏa thuận. Ngoài ra ông H không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Huỳnh Trung L trình bày: Ông L thừa nhận trước đây vào ngày 24/8/2014 (âm lịch) ông có vay của ông Lương Văn H số tiền là 80.000.000 đồng, lãi suất vay là 2%/tháng và ông L có viết biên nhận giao cho ông H giữ. Sau khi vay tiền thì ông L có đóng lãi cho ông H từ ngày vay 24/8/2014 (âm lịch) cho đến ngày 20/11/2018 (âm lịch) là: (51 tháng x 1.600.000 đồng/tháng) = 81.600.000 đồng. Đồng thời cũng vào ngày 20/11/2018 (âm lịch) thì ông L có trả cho ông H số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng, khi ông L trả số tiền vay gốc 40.000.000 đồng cho ông H thì hai bên không có làm giấy tờ vì là chỗ quen biết tin tưởng lẫn nhau.

Từ ngày 20/11/2018 (âm lịch) đến nay thì ông L không có đóng lãi và trả số tiền vay gốc còn lại là 40.000.000 đồng cho ông Lương Văn H.

Nay ông L chỉ đồng ý trả cho ông Lương Văn H số tiền vay gốc còn nợ là 40.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Ngoài ra ông L yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất của hợp đồng vay giữa ông L và ông H theo quy định của pháp luật, nếu số tiền lãi mà ông L đã đóng cho ông H vượt quá quy định của pháp luật thì ông L yêu cầu đối trừ lại số tiền này vào số tiền vay gốc mà ông L còn nợ ông H. Ngoài ra ông L không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là vợ của ông Huỳnh Trung L, bà không biết việc chồng bà là ông L vay số tiền 80.000.000 đồng của ông H vào ngày 24/8/2014 (âm lịch). Bà L xác định ông L không có sử dụng số tiền trên lo cho sinh hoạt của gia đình. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì bà L xác định bà không có trách nhiệm gì với số tiền mà ông H kiện ông L, Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H. Buộc ông Huỳnh Trung L có trách nhiệm trả cho ông Lương Văn H tổng số tiền còn nợ là 64.930.000 đồng. Ngoài ra ông L còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Lương Văn H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Trung L phải trả cho ông H số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã M, huyện H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H yêu cầu ông Huỳnh Trung L phải trả số tiền vay là 80.000.000 đồng vào ngày 24/8/2014 (âm lịch) và lãi suất phát sinh 02%/tháng kể từ ngày 24/9/2018 âm lịch (nhằm ngày 01/11/2018 dương lịch) cho đến khi ông L thanh toán hết nợ cho ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 24/8/2014 (âm lịch) ông L có vay của ông H số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng là có xảy ra trên thực tế vì được các bên đương sự thừa nhận. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông L xác định sau khi vay tiền của ông H, ông L có trả cho ông H được số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng vào ngày 20/11/2018 (âm lịch) và ông L có đóng lãi cho ông H từ ngày vay tiền (24/8/2014 âm lịch) đến ngày 20/11/2018 âm lịch là: 51 tháng x 1.600.000 đồng/tháng = 81.600.000 đồng. Tuy nhiên ông H không đồng ý về việc ông L có trả số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng vào ngày 20/11/2018 (âm lịch). Đối với tiền lãi mà ông L đã đóng thì ông H xác định ông L chỉ đóng lãi cho ông H từ ngày vay tiền đến ngày 24/9/2018 (âm lịch) là: 49 tháng x 1.600.000 đồng/tháng = 78.400.000 đồng.

Do các bên đương sự không thống nhất về số tiền vay gốc đã trả cũng như tiền lãi đã đóng nên trong trường hợp này ông L là người phải có nghĩa vụ chứng minh đã trả số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và đóng lãi cho ông H được tổng số tiền là 81.600.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có yêu cầu ông L cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông L trả được 02 khoản tiền nêu trên cho ông H nhưng ông L không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, việc việc ông H yêu cầu ông Huỳnh Trung L phải trả số tiền vay gốc 80.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền lãi mà các bên đã đóng trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông L không chứng minh được ông L có đóng lãi cho ông H được tổng số tiền là 81.600.000 đồng, tuy nhiên phía ông H thừa nhận ông L có đóng lãi cho ông H từ ngày vay tiền đến ngày 24/9/2018 (âm lịch) là 78.400.000 đồng. Do đó, cần xác định số tiền lãi mà ông L đã đóng cho ông H theo sự thừa nhận của ông H là 78.400.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, lãi suất mà các bên thỏa thuận đối với hợp đồng vay tiền nêu trên là 2%/tháng (tương đương 24%/năm) đã vượt quá lãi suất tối đa mà Bộ luật dân sự cho phép. Nên lãi suất đối với hợp đồng vay tiền giữa ông L và ông H cần được điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì tại Điều 2 của Nghị quyết này có hướng dẫn đối với hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự năm 2015 bắt đầu có hiệu lực) thì đối với hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết. Đối chiếu quy định trên với hợp đồng vay giữa ông H và ông L, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng vay giữa ông H và ông L được xác lập trước ngày 01/01/2017 và lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay này là 2%/tháng (tương đương 24%/năm) đã vượt quá lãi suất tối đa mà Bộ luật dân sự 2015 cho phép là 20%/năm. Vì vậy theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì lãi suất được áp dụng đối với hợp đồng vay giữa ông H và ông L được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự 2005.

[5] Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định *"Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng."* Đồng thời tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam được quy định là 9%/năm *(tương ứng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước sẽ là 13,5%/năm = 1,125%/tháng)*.

[6] Như vậy, mức lãi suất được áp dụng đối với hợp đồng vay giữa ông H và ông L sẽ là 13,5%/năm (tương đương 1,125%/tháng) và số tiền lãi mà ông L phải trả cho ông H từ ngày vay 24/8/2014 âm lịch (nhằm ngày 17/9/2014 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 28/07/2020 sẽ là: [(80.000.000 đồng x 1,125%/tháng) x (05 năm 10 tháng 11 ngày) = (900.000 đồng/tháng) x (70 tháng 11 ngày) = (30.000 đồng/ngày) x (2.111 ngày) = 63.330.000 đồng.

[7] Do ông H đã nhận tổng số tiền lãi của ông L là 78.400.000 đồng nên đối với số tiền lãi mà ông L đã đóng cho ông H vượt quá quy định của pháp luật cần được đối trừ lại số tiền vay gốc mà ông L còn nợ ông H là: 78.400.000 đồng - 63.330.000 đồng = 15.070.000 đồng.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc ông Huỳnh Trung L trả cho ông Lương Văn H số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 80.000.000 đồng - 15.070.000 đồng = 64.930.000 đồng.

[9] Quá trình giải quyết vụ án vợ ông Huỳnh Trung L là bà Nguyễn Thị L xác định bà L không biết việc ông L vay số tiền 80.000.000 đồng của ông H vào ngày 24/8/2014 (âm lịch) và ông L cũng không có sử dụng số tiền trên lo cho sinh hoạt của gia đình. Về

phía ông Lương Văn H cũng không yêu cầu bà Nguyễn Thị L cùng có trách nhiệm với ông L trả nợ cho ông H, do đó Tòa án không xem xét trách nhiệm liên đới của bà L đối với khoản nợ mà ông H yêu cầu ông L trả nêu trên.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[11] Về án phí:

- Mặc dù ông Lương Văn H chỉ được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 64.930.000 đồng tuy nhiên ông H thuộc diện người cao tuổi đồng thời ông H có đơn xin miễn, giảm nộp tiền án phí nên ông H không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

- Ông Huỳnh Trung L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho ông Lương Văn H là 3.246.500 đồng *(64.930.000đồng x 5% = 3.246.500 đồng).*

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 305, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H đối với ông Huỳnh Trung L.

Buộc ông Huỳnh Trung L có trách nhiệm trả cho ông Lương Văn H số tiền là 64.930.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hánh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H về việc yêu cầu ông Huỳnh Trung L phải trả tiền lãi phát sinh là 02%/tháng/80.000.000 đồng kể từ ngày

24/9/2018 âm lịch (nhằm ngày 01/11/2018 dương lịch) cho đến khi ông L thanh toán hết nợ cho ông H.

3. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Trung L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 3.246.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b)
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

(đã ký)

Phan Tú Anh